

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09-8-2018

V/v “Tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đào

2. Bà Trần Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 436/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐHPT-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1985.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Chị Đ và anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Đ trình bày: Chị Đ yêu cầu ly hôn và nuôi con đối với anh T.

Chị và anh Nguyễn Quang T chung sống với nhau vào năm 2009, tự nguyện không ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh vào ngày 11-11-2009. Sau khi cưới vợ chồng thuê nhà trọ tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh ở làm công nhân,

đến năm 2010 vợ chồng về sống chung bên gia đình cha mẹ chồng cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên cờ bạc và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan T chăm sóc gia đình vợ con. Hiện tại tình cảm giữa chị và anh T không còn.

Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Quốc Khánh, sinh ngày 02-9-2010 và Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 08-12-2013, hiện tại 02 con đang sống chung với chị và anh T. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quang T: Tòa án triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ và hòa giải, nhưng anh không đến và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ đối với anh Nguyễn Quang T theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giao cho chị Đ được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục Nguyễn Quốc Khánh, sinh ngày 02-9-2010 và Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 08-12-2013 theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên cờ bạc và quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan T chăm sóc gia đình, chị Đ có khuyên nhiều lần nhưng anh T không nghe, dẫn đến vợ chồng gây gổ nhau. Hiện tại chị và anh T sống ly thân nhau từ tháng 01-2018 cho đến nay. Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án anh T không về nhà cũng không gặp chị Đ để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ anh T

không có thiện chí để vợ chồng được đoàn tụ, mà bỏ mặc vợ con. Hơn nữa anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt, nên tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ.

[2] Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Quốc Khánh, sinh ngày 02-9-2010 và Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 08-12-2013, hiện đang sống chung với chị Đ. Nay chị Đ yêu cầu được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị Đ hiện làm công nhân, có nghề nghiệp ổn định và có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục cháu Khánh và cháu Trí. Nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ trình bày không có, nhưng do anh T vắng mặt. Nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Chị Đ phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con của chị Nguyễn Thị Đ đối với anh Nguyễn Quang T.

Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Quang T.

Về con chung: Giao chị Đ được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quốc Khánh, sinh ngày 02-9-2010 và Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 08-12-2013. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Đ nộp theo biên lai thu số 0013490 ngày 04-6-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường) và nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Bàu Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Quãng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Cẩm Giang, Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn T